

Số: /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo Trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Lộc Bình

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 664/QĐ-UBND ngày 04/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo Trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Lộc Bình;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 08/TTr-SXD ngày 19/01/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo Trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Lộc Bình như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung thiết kế bản vẽ thi công

a) Trạm y tế xã Ái Quốc:

- Đục tường, mở thông giữa phòng tiêm và phòng sơ cấp cứu, kích thước cửa (1,5x2,7)m; Trát bằng vữa xi măng cát mác 75 và sơn hoàn thiện lại mép cửa.

- Bổ sung bể xử lý nước thải y tế (nước thải phòng đẻ). Bể đặt ngầm, kích

thước bê (2,7x1,8x0,0)m; đáy và nắp bê bằng bê tông cốt thép mác 200; thành bể xây bằng gạch không nung, vữa xi măng cát mác 50; trát trong bể bằng vữa xi măng cát mác 100, dày 1,5cm; láng đáy bể bằng vữa xi măng cát mác 100, dày 2cm.

b) Trạm y tế xã Tam Gia:

- Bổ sung bể xử lý nước thải y tế (*nước thải phòng đê*). Bể đặt ngầm, kích thước bể (2,7x1,8x0,0)m; đáy và nắp bê bằng bê tông cốt thép mác 200; thành bể xây bằng gạch không nung, vữa xi măng cát mác 50; trát trong bể bằng vữa xi măng cát mác 100, dày 1,5cm; láng đáy bể bằng vữa xi măng cát mác 100, dày 2cm.

- Bổ sung 28m tường chắn đất sạt lở phía sau nhà trạm xây mới. Móng, xây gạch bằng không nung, vữa xi măng cát mác 50; tường dày 220mm cao 1,2m; trát tường bằng vữa xi măng mác 75.

- Nhà trạm: đục tường, mở cửa thông giữa phòng tiêm và phòng sơ cấp cứu, kích thước cửa (1,5x2,7)m. Trát bằng vữa xi măng cát mác 75 và sơn hoàn thiện lại mép cửa.

c) Trạm y tế xã Hữu Lân:

- Nhà trạm: đục tường, mở cửa thông giữa phòng tiêm và phòng sơ cấp cứu, kích thước cửa 1,5x2,7m. Trát bằng vữa xi măng cát mác 75 và sơn hoàn thiện lại mép cửa. Bổ sung chậu rửa các phòng tiêm, phòng sơ cấp cứu, phòng khám đông y, phòng khám tây y.

- Điều chỉnh vị trí xây dựng nhà chứa rác thải y tế ra phía sau (tại vị trí nhà đốt rác hiện trạng).

d) Trạm y tế xã Minh Hiệp:

- Đục tường, mở cửa ra phía sân bê tông kích thước (0,9x2,7)m; ốp tường xung quanh phòng bằng gạch men kích thước (300x600)mm, cao 2,4m; lắp đặt 01 chậu rửa tại phòng tiêm. Ngăn phòng tại vị trí trục (3-4) bằng tấm COMPOSITE và đục cửa thông kích thước (1,5x2,7)m; trát bằng vữa xi măng cát mác 75 và sơn hoàn thiện lại mép cửa.

- Bổ sung 14m rãnh thoát nước phía trước nhà hành chính. Rãnh xây bằng gạch bê tông không nung kích thước (0,3x0,4)m; trát trong bằng vữa xi măng mác 75, nắp rãnh bằng bê tông cốt thép dày 7cm.

đ) Trạm y tế xã Khánh Xuân:

- Đục tường, mở cửa ra phía sân bê tông kích thước (0,9x2,4)m; ốp tường xung quanh phòng tiêm bằng gạch men kích thước (300x600)mm, cao 2,4m.

- Điều chỉnh vị trí xây dựng mái vòm từ trước sảnh chính nhà Trạm y tế xây mới về phía trước phòng tiêm.

- Điều chỉnh diện tích sân bê tông theo thực tế sau khi bố trí lại một số hạng mục công trình (diện tích 510m²).

e) Trạm y tế xã Đồng Bục:

- Mái che sân: điều chỉnh kích thước mái che (mái vòm) từ kích thước (5,5x12)m thành mái che (phẳng) kích thước (8,2x11), chiều cao mặt sân đến cột 3,1m. Hệ khung có cột bằng thép tròn đường kính $d=90\text{mm}$, dày 3,6mm; hệ xà gồ thép (30x60x1,4)mm, mái lợp tôn chống nóng dày 0,4mm. Móng cột sử dụng móng đơn bằng bê tông xi măng mác 200, chân cột được chôn sâu đến đáy móng, kích thước 0,5m.

- Bổ sung mái tôn để xe phía sau nhà Trạm, mặt bằng hình chữ nhật, kích thước (2,5x9x2,7)m; mái phẳng lợp tôn dày 0,4m đặt trên hệ xà gồ bằng thép hộp tiết diện (30x60x1,4)mm. Móng cột bằng bê tông mác 200, sâu 0,5m so với mặt sân; cột đỡ mái bằng thép ống $d=90\text{mm}$, dày 3,6mm được chôn sâu xuống đáy móng; nền nhà để xe bằng bê tông xi măng mác 150, dày 100mm.

- Điều chỉnh diện tích sân bê tông đã được phê duyệt từ 90m^2 xuống 40m^2 .

- Bổ sung 01 đường dốc giành cho người khuyết tật, chiều rộng 1,7m, chiều dài 4,2m, mặt đường dốc đổ bê tông tạo nhám, lan can đường dốc bằng lan can INOX cao 0,9m.

g) Trạm Y tế xã Mẫu Sơn:

- Bổ sung lắp đặt đường ống cấp nước $d=25\text{mm}$, chiều dài 40m; nguồn nước được lấy từ nhà khám bệnh dẫn đến phòng sản để phục vụ các thủ thuật.

- Đục tường, mở thông giữa phòng tiêm và phòng tư vấn để đảm bảo tiêu chuẩn phòng tiêm một chiều, kích thước (1,2x2,7)m; trát bằng vữa xi măng cát mác 75 và sơn hoàn thiện lại mép cửa.

- Đục tường, mở thông giữa phòng hành chính và phòng sản để mở rộng khu vực đón bệnh nhân, kích thước; thước (1,2x2,7)m; trát bằng vữa xi măng cát mác 75 và sơn hoàn thiện lại mép cửa.

- Điều chỉnh giảm phần diện tích chưa thi công hạng mục lát lại nền nhà khám bệnh bằng gạch ceramich (600x600)mm, thay bằng đục bỏ lớp vữa cũ và trát lại tường trong và ngoài nhà và sơn lại, tại các phòng, diện tích 696m^2 .

h) Trạm y tế xã Nam Quan:

- Bổ sung, thay thế hệ thống đường dây và thiết bị điện nhà 2 tầng: đèn tuýp led đơn; đèn sát trần có chụp; quạt trần; công tắc; ổ cắm; áp tô mát; dây dẫn điện và một số phụ kiện điện.

- Bổ sung 01 téc nước inox 2m^3 , lắp đặt xí bệt + vòi xịt; 02 vòi rửa; 01 gương soi, 01 giá treo khăn; lắp đặt phễu thoát nước sàn nhà vệ sinh.

i) Trạm y tế xã Tú Mịch:

- Điều chỉnh chiều dày sân bê tông theo hồ sơ bản vẽ đã được phê duyệt từ 12cm xuống còn 10cm.

- Bổ sung bê tông hè phía đầu hồi bên phải nhà khám bệnh, diện tích 10m^2 ;

- Bổ sung bê tông xi măng từ đường rẽ lên đến công trạm y tế, dài 16m, rộng trung bình 2,4m, dày 10cm.

- Bổ sung kê bếp khung bằng thép hộp inox (30x30x1.4)m, mặt đá tự nhiên (0.6x3.2)m.

- Bổ sung thay mới cửa đi chính của nhà khám chữa bệnh kích thước (3,0x2,3)m bằng cửa xếp, kích thước (3,0x2,3)m.

- Bổ sung thay mới cửa đi Đ3, kích thước (0.75x2200)mm; cửa sổ S1 (1200x1400)mm; bổ sung 01 cửa sổ vệ sinh kích thước (600x800)mm.

- Bổ sung mái lợp tôn giữa nhà xe và mái che nhà khám bệnh kích thước (4,5x2,3)m.

k) Trạm y tế thị trấn Lộc Bình

- Thay mới phần mái phía sau nhà trạm, kích thước (4,6x3,05)m; mái lợp tôn dày 0,4m đặt trên hệ xà gồ bằng thép hộp tiết diện (30x80x1,4)mm.

- Thay mới mái che phía trước nhà trạm, kích thước (2,8x5,3)m; mái lợp tôn dày 0,4m đặt trên hệ xà gồ bằng thép hộp tiết diện (30x80x1,4)mm.

- Bổ sung, thay mới toàn bộ đường điện của trạm: lắp đặt đèn compact loại 12W đến 40W (18 đèn); đèn sát trần có chụp; quạt trần; quạt treo tường; công tắc; dây dẫn điện và một số phụ kiện điện.

- Bổ sung, thay mới đường ống cấp nước và thiết bị vệ sinh của nhà trạm: lắp đặt xí bệt; chậu rửa 1 vòi; giá treo khăn; bình nóng lạnh; vòi xả nước và một số linh kiện nước.

- Xây bịt 03 cửa sổ tại tầng 01, tại các trục 1:(B-C), trục 4:(B-C) và trục 4:(D-E), tường trong và ngoài nhà trát bằng vữa xi măng cát mác 50, dày 15mm; toàn bộ tường trong và ngoài nhà quét 01 nước lót, 02 nước phủ.

2. Điều chỉnh dự toán xây dựng công trình:

a) Giá trị dự toán xây dựng điều chỉnh: 535.071.653,0 đồng.

- Chi phí xây dựng:	294.716.864 đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	5.483.459 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	34.071.161 đồng;
- Chi phí khác:	180.121.503 đồng;
- Chi phí dự phòng:	20.678.666 đồng.

b) Giá trị dự toán xây dựng công trình sau điều chỉnh 14.996.077.000 đồng, trong đó:

- Chi phí xây dựng:	13.158.408.057 đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	408.467.821 đồng;

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 1.102.090.711 đồng;
- Chi phí khác: 306.431.745 đồng;
- Chi phí dự phòng: 20.678.666 đồng.

3. Thời gian thực hiện dự án: năm 2022 - hết Quý II/2024.

Điều 2. Các nội dung khác không đề cập tại Quyết định này giữ nguyên theo Quyết định số 664/QĐ-UBND ngày 04/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. UBND huyện Lộc Bình (chủ đầu tư) chịu trách nhiệm rà soát tiến độ thực hiện các hợp đồng có liên quan, tổ chức điều chỉnh đảm bảo tiến độ thực hiện phù hợp và triển khai dự án theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Lạng Sơn; Chủ tịch UBND huyện Lộc Bình và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Các PCVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT_(CVĐ).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Xuân Huyền